

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 22-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Trường;

Ông Lương Công Trình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu T, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Hiện nay tạm trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị X, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

HKTT: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Hiện nay đang chấp hành án theo một bản án khác tại Trại giam Đ A2, thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Đặng Hữu T trình bày:

Vào ngày 30/11/2015 nguyên đơn có cho bị đơn Hà Thị X mượn số tiền 15.000.000 đồng, mục đích bị đơn mượn để đầu tư vào tiệm uốn tóc, làm tóc, trang trí quần áo cô dâu, bị đơn hẹn vào ngày 15/01/2016 sẽ trả đủ số tiền này, nhưng quá hạn đã lâu, nguyên đơn nhiều lần đòi, nhưng bị đơn không trả. Lúc trước vợ chồng bà X có mượn 50.000.000 đồng vào ngày 19/5/2015, đã trả nợ xong, nhưng khoản nợ này không liên quan đến khoản nợ 15.000.000 đồng, vì hai lần mượn với hai giấy mượn tiền khác nhau, bà X cho rằng đã trả xong nên từ chối trả nợ là không đúng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 15.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/01/2016 đến 26/10/2022 là $81 \text{ tháng} \times 1,2\%/\text{tháng} \times 15.000.000 \text{ đồng} = 14.580.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 29.580.000 đồng (trong đó gốc 15.000.000 đồng, lãi 14.580.000 đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2022, 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện D thì bị đơn Hà Thị X trình bày:

Vào tháng 07/2015 bà X có vay của ông Đặng Hữu T số tiền 50.000.000 đồng (có viết giấy mượn tiền), sau đó hàng tháng có trả dần cho ông T nhưng cụ thể trả bao nhiêu không nhớ chính xác. Đến ngày 30/11/2015 bị đơn đã trả được 35.000.000 đồng, còn nợ lại 15.000.000 đồng nên có viết giấy mượn tiền vào ngày 30/11/2015 hẹn nợ đến ngày 15/01/2016 trả dứt điểm số tiền 15.000.000 đồng. Bà X là người viết và ký giấy mượn tiền. Việc trả tiền cho nguyên đơn và lập giấy theo dõi cụ thể khoản nợ này do ông Phạm Ngọc A là chồng bà X thực hiện, bà X không có tài liệu, giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh cho việc bà đã trả hết nợ và đề nghị Tòa án đưa ông Phạm Ngọc A tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Đồng thời bà X yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt bà, do bà đang chấp hành án (theo bản án khác) tại trại giam A2, Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được.

Người làm chứng ông Phạm Ngọc A trình bày: Ông A là chồng bà X, vợ chồng ông có vay của ông Đặng Hữu T số tiền 50.000.000 đồng, tuy nhiên đã trả hết. Riêng số nợ 15.000.000 đồng, là cá nhân bà X tự vay mượn với ông T, không sử dụng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình nên ông A không đồng ý trả khoản nợ này. Ông A không chứng kiến, không liên quan gì đến khoản vay này và cũng không có tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Do không liên quan đến vụ án nên đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc công khai, tiếp cận, giao nộp chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đang chấp hành án, vắng mặt nên không thể hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay gốc 15.000.000 đồng, riêng phần yêu cầu lãi, nguyên đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu lãi là 14.580.000 đồng; Bị đơn vắng mặt đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật; Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Hữu T nộp đơn khởi kiện ngày 18/8/2022, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị X trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và lãi do vay tài sản; bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn Hà Thị X vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Đặng Ngọc A vắng mặt, nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản vay gốc: Giữa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bị đơn Hà Thị X có viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 30/11/2015 có nội dung bị đơn mượn của nguyên đơn với số tiền là 15.000.000 đồng hẹn vào ngày 15/01/2016 sẽ trả đủ. Đây là tài liệu, chứng cứ thuộc tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất thừa nhận không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng, vợ chồng bị đơn bà Hà Thị X, ông Phạm Ngọc A đã mượn của nguyên đơn hai khoản tiền khác nhau: khoản thứ nhất với số tiền là 50.000.000 đồng, giấy mượn tiền vào ngày 19/5/2015, hạn ngày 19/7/2015 sẽ trả, khoản này vợ chồng bị đơn đã trả đủ (nguyên đơn không kiện nên Tòa án không xem xét giải quyết); khoản thứ hai với số tiền là 15.000.000 đồng ghi giấy hạn nợ ngày 30/11/2015, hạn ngày 15/01/2016 sẽ trả đủ. Tuy nhiên, ông Phạm Ngọc A cho rằng đây là khoản nợ cá nhân bà X, trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn sống ly thân, bà X tự ý vay, mượn chi tiêu cá nhân, không dùng chung vào sinh hoạt gia đình nên ông không biết đến khoản tiền này, không hề ký và viết vào giấy vay, mượn tiền. Lời khai của ông A phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo nội dung ông T đã kiện ông A để đòi nợ và đã được Tòa án nhân dân huyện P giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 12/10/2021 có nội dung *“tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Phạm Ngọc A có trách nhiệm trả số tiền 27.420.000 đồng (trong đó tiền gốc 15.000.000 đồng, lãi 12.420.000 đồng phát sinh từ giấy hạn nợ lập ngày 30/11/2015”* bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, ông A không có nghĩa vụ phải trả khoản nợ này. Xét ý kiến của bà Hà Thị X cho rằng bà có mượn tiền của ông T 50.000.000 đồng, vợ chồng bà đã trả được 35.000.000 đồng, bà viết và ký vào giấy hạn nợ với số tiền 15.000.000 đồng còn lại. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời khai, ý kiến của mình, hơn nữa ông A cho rằng khoản tiền 50.000.000 đồng đã trả đủ cho ông T, riêng khoản 15.000.000 đồng ông không hề hay biết nên cũng không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã trả khoản tiền này như bà X trình bày. Nên có cơ sở để khẳng định bà X có mượn của ông T số tiền 15.000.000 đồng như giấy hạn nợ ngày 30/11/2015, đến nay chưa trả xong, nên ông T khởi kiện yêu cầu buộc bà X phải trả khoản tiền này là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với khoản tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả khoản lãi suất 1,2%/tháng, thời gian tính lãi từ 15/01/2016 đến 26/10/2022 là 81 tháng, với tổng số tiền là 14.580.000 đồng ($1,2\% \times 81 \text{ tháng} \times 15.000.000 \text{ đồng}$). Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi có số tiền 14.580.000 đồng, việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện thuộc trong phạm vi khởi kiện ban đầu, việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 429, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 244, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Hữu T, buộc bị đơn Hà Thị X phải trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng theo giấy hẹn nợ ngày 30/11/2015.

Về lãi suất: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà Hà Thị X phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Đặng Hữu T 375.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0007351 ngày 06/10/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền

